

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC THEO MÔ HÌNH FEAR TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGÂN SÁCH LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

PHẠM QUANG HUY<sup>(\*)</sup>

**TÓM TẮT:** Trong quá trình toàn cầu hóa và gia nhập nhiều tổ chức quốc tế, nhiều lĩnh vực trong khu vực công của Việt Nam đã tiếp nhận được ngân sách khá lớn để thực hiện đề tài khoa học. Cùng với nhiều nội dung khác nhau như nhân sự, đầu tư, xây dựng... thì công tác kế toán liên quan đến quy trình ghi chép các khoản thu chi ngân sách cũng được xem là một vấn đề quan trọng trong công tác quản lý của nhà nước khi hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học công nghệ. Do vậy, nhà nước cũng cần có sự quản lý về khía cạnh kế toán để đảm bảo tính hiệu quả của các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Bằng phương pháp tổng hợp và phân tích hành lang pháp lý của Việt Nam, bài viết giới thiệu quy trình cơ bản liên quan đến công tác quản lý nhà nước về kinh phí dưới góc độ kế toán ngân sách đối với lĩnh vực khoa học công nghệ, qua đó đề ra một số điểm cần lưu ý theo mô hình 4 nhân tố FEAR trong công tác quản lý về kế toán ngân sách nhà nước trong những năm tiếp theo.

**Từ khóa:** quản lý nhà nước, khoa học công nghệ, kế toán ngân sách, hội nhập quốc tế, khu vực công.

**ABSTRACT:** In the process of globalization and joined many international organizations, many areas of the public sector in Vietnam has received received sizable budget to implement scientific topics. Along with many different content such as human resources, investment, construction ... the accounting work related to the process of recording budget expenditures is also seen as an important issue in the management of state when international integration in the field of science and technology. Therefore, the state should also have the management of the accounting aspects to ensure the effectiveness of the scientific and technological tasks performed. By means of synthesizing and analyzing the legal framework of Vietnam, the article introduces the basic processes related to the management of the state budget in terms of budgetary accounting for scientific field work Technology, which set out a number of points to note in the model 4 FEAR factor in the management of the state budget accounting in subsequent years.

**Key words:** state governance, research and science, budget accounting, integration progress, public sector.

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bất kỳ giai đoạn lịch sử hay tại bất kỳ quốc gia nào, nhà nước muốn quản lý và vận hành quốc gia đi theo đúng những kế hoạch, chiến lược đã đề ra đều cần đến những

nguồn lực khác nhau, và một trong những nguồn lực đó chính là ngân sách nhà nước (Pat, 2003). Điều này cũng hoàn toàn phù hợp đối với lĩnh vực khoa học công nghệ (Đào, 2014). Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng

<sup>(\*)</sup>Tiến sĩ. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

chung so với thế giới, đó là việc chính phủ cũng cần có những biện pháp hữu hiệu trong quá trình thu và chi các khoản từ nguồn ngân sách nhà nước để thực thi các đề tài khoa học và công nghệ (Brett và cộng sự, 2014).

Để thực hiện được điều này, nhà nước đã sử dụng một công cụ dùng để phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ phát sinh, đó là hệ thống kế toán thu chi ngân sách nhà nước; bởi kế toán luôn được xem là một công cụ quản lý đặc lực và hỗ trợ cho đơn vị, để giúp cho các chủ nhiệm hay đội ngũ nhà lãnh đạo có những thông tin thích hợp, nhằm làm cơ sở cho việc đưa ra các nhận định APEC (2011). Thông qua hệ thống kế toán này, các đơn vị quản lý đề tài có thể nhìn lại những hoạt động đã phát sinh trong quá khứ để từ đó đưa ra các đánh giá về tính hữu hiệu của các công trình. Trong những năm qua, các đề tài khoa học Việt Nam đã có những thông tin khá đầy đủ về kết quả thực hiện thu, chi ngân sách, giúp đảm bảo dữ liệu cho việc đánh giá đề tài theo đúng các kế hoạch vĩ mô đã được phê duyệt (Báo Đại đoàn kết, 2011).

Bên cạnh những ưu điểm đã ghi nhận được liên quan đến quá trình lập dự toán thu chi đối với đề tài khoa học, hiện nay các chủ nhiệm đề tài khi tiếp nhận ngân sách vẫn còn lúng túng trong việc đáp ứng đúng theo yêu cầu quản lý của nhà nước đối với kinh phí thực hiện; việc quản lý của nhà nước về kinh phí vẫn còn có những trở ngại nhất định (Phạm, 2013 và Phạm, 2014). Nhận thức được một số hạn chế này nên trong những năm gần đây, Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật về quản lý ngân sách và kế toán đối với lĩnh vực khoa học công nghệ của quốc gia nói riêng. Trên thực tế Việt Nam cũng thường xuyên chỉnh sửa, bổ sung các quy định có liên quan nhằm kiểm soát, quản lý nguồn ngân sách nhà nước trong các đề tài khoa học ở nhiều lĩnh vực công khác nhau (Hữu Công, 2014). Vấn đề

tìm hiểu về mảng kế toán như một công cụ quản lý nhà nước trong khoa học, công nghệ vẫn là một hướng nghiên cứu khá ít các nhà khoa học thực hiện. Với ý nghĩa quan trọng này, bài viết có mục tiêu chính là giới thiệu về quá trình của một chu trình kế toán quản lý từ lập dự toán đến quyết toán ngân sách trong lĩnh vực khoa học công nghệ, qua đó rút ra một số điểm cần cải thiện để nâng cao vai trò quản lý nhà nước trong tiến trình hội nhập kinh tế thế giới.

## **2. QUY TRÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH PHÍ CHO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### ***2.1. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách***

Cùng với công tác kế toán tài chính cơ bản trong các đơn vị, hệ thống kế toán ghi chép yếu tố đầu vào sẽ hạch toán 6 khoản mục phát sinh chính yếu trong lĩnh vực khoa học như sau:

Tiền công lao động trực tiếp, gồm: tiền công cho các chức danh; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ. Đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu; chi khấu hao trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của

doanh nghiệp; chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu.

Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu; chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu và công tác điều tra, khảo sát thu thập số liệu; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ nghiên cứu.

Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (nếu có)

cũng như chi quản lý chung nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện.

Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

## **2.2. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học công nghệ**

Dự toán tiền công lao động trực tiếp: cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiền hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán. Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:  $T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$

Trong đó:  $T_c$ : Dự toán tiền công của chức danh;  $L_{cs}$ : Lương cơ sở do nhà nước quy định;

$H_{stcn}$ : Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo bảng 1 dưới đây;  $S_{nc}$ : Số ngày công của từng chức danh.

Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ quy định tại Bảng 1 là mức hệ số tối đa, áp dụng cho nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia. Căn cứ khả năng, nguồn lực, đặc thù, của cơ quan, đơn vị, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn, ban hành mức hệ số tiền công ngày cho chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở để thực

hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo không vượt

**Bảng 1:** Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ

STT	Chức danh	Hệ số chức danh nghiên cứu ( $H_{cd}$ )	Hệ số lao động khoa học ( $H_{kh}$ )	Hệ số tiền công theo ngày $H_{stcn} = (H_{cd} \times H_{kh})/22$
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,79
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,49
3	Thành viên	3,66	1,5	0,25
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,16

Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu.

*Thuê chuyên gia trong nước:* trong trường hợp nhiệm vụ khoa học công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 40.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng). Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

*Thuê chuyên gia ngoài nước:* trong trường hợp nhiệm vụ khoa học công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia

ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ.

Dự toán chi mua tài sản: dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học công nghệ; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu: mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau: người chủ trì: 1.500.000 đồng/buổi; thư ký: 500.000 đồng/buổi; báo cáo viên: 2.000.000 đồng/báo cáo; báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.000.000 đồng/báo cáo; thành viên tham gia: 200.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

### **3. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KẾ TOÁN CÁC KHOẢN CHI NGÂN SÁCH VÀ QUẢN LÝ CHU TRÌNH DỰ TOÁN**

#### **3.1. Các khoản chi trong đề tài khoa học**

Khi thực hiện các đề tài khoa học, nhà nước đưa ra phương án quản lý các khoản chi ngân sách liên quan đến các khoản mục cấu thành nên nhiệm vụ thực hiện các giải pháp khoa học. Về mặt khuôn mẫu chung thì khi thực hiện một công trình công nghệ khoa học sẽ phát sinh các khoản nội dung chi quản lý nhiệm vụ như sau:

Chi hoạt động của các hội đồng tư vấn gồm các khoản như: chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên hội đồng (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học công nghệ, hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì và hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện); chi tiền công phục vụ họp hội đồng; chi công tác phí các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn; chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ hội đồng; chi thuê dịch vụ khoa học công nghệ liên quan đến việc đánh giá của hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ hội đồng (nếu có).

Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có)

Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ, gồm: chi công tác phí cho đoàn kiểm tra; chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ (trường hợp cần thiết).

Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý.

#### **3.2. Quản lý nhà nước về chu trình thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ**

Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan

nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách theo quy định, căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong năm và định mức chi, các cơ quan xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ của mình; Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học công nghệ ở địa phương xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ khoa học công nghệ và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ của địa phương, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Căn cứ: mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các định mức kinh tế-kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

Yêu cầu: dự toán kinh phí được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể; tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học công nghệ theo

đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các bộ, ngành chức năng ban hành thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học công nghệ được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ được cơ quan có thẩm quyền giao, các bộ, ngành, địa phương thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

#### **4. MỘT SỐ GỢI Ý VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHƯƠNG DIỆN KẾ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỐI VỚI LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG GIAI ĐOẠN HỘI NHẬP**

Dựa vào những quy định do nhà nước ban hành liên quan đến kiểm soát và quản lý đối với thu chi từ đề tài khoa học công nghệ, trong giai đoạn hội nhập thì nhà nước cần quan tâm đến một số nội dung như sau: Đối tượng thực hiện đề tài (Agent): cần có phân thuyết minh đầy đủ

và minh chứng về người thực hiện hoặc chủ trì đề tài khoa học thực hiện trong đơn vị công; Nguồn lực của đơn vị quản lý (Resource): cá nhân thực hiện cần phải thuộc sự kiểm soát của một tổ chức có đầy đủ năng lực thực hiện theo tiến độ chung; Chi tiêu cho thực hiện đề tài (Expenditure): các khoản chi ngân sách phải được ghi chép đầy đủ và kiểm soát chi tiêu sao cho hiệu quả khi thực hiện nhiệm vụ; Tài trợ từ nhiều tổ chức (Funding): các đề tài cần hướng đến hội nhập và tiếp nhận sự tài trợ từ các đơn vị trong và ngoài nước cả về con người và vật chất thực hiện.

Với mô hình FEAR thì cơ quan quản lý nhà nước cần xem đây là bốn nhân tố chính khi quản lý về phương diện kế toán trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo. Đây được xem là nội dung quan trọng khi các đơn vị hướng đến tính tối ưu và hiệu quả trong đầu tư thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ. Kết quả của bài viết này là cung cấp những quy định chung về hành lang pháp lý đối với một mảng quan trọng khi thực hiện đề tài khoa học, đó là thu chi ngân sách và quá trình ghi chép đầy đủ theo dự toán ngân sách được giao, qua đó cung cấp những bước chính để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét và vận dụng phù hợp cho việc quản lý theo đúng chiến lược phát triển xã hội của Đảng và Nhà nước trong từng thời kỳ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. APEC (2011). *Thúc đẩy hợp tác khoa học trong APEC*. Hội nghị Cấp cao APEC 19.
  2. Báo Đại đoàn kết (2011). *Đầu tư hình thức khoa học công nghệ theo PPP: Phát huy tính ưu việt để phát triển hạ tầng*. Bài viết trên website của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
  3. Brett, K., Robin, L., Christoph, M. & John, P (2014). *Public-Private Partnerships in public sector infrastructures*.
  4. Hữu Công (2014). *4 năm chưa dự án PPP nào được triển khai*. Thông tin thời sự kinh tế Việt Nam.
  5. Nguyễn Thị Mỹ Hương (2009). *Một số giải pháp tăng cường quản lý khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai*. Khoa Quản trị – Kinh tế quốc tế – Trường Đại học Lạc Hồng.
- 
6. Pat, B (2003). *Public private partnerships – Are there gaps in public sector accountability?*. 2002 Australasian Council of Public Accounts Committees 7th Biennial Conference.
  7. Phạm Dương Phương Thảo (2013). *Kinh nghiệm triển khai mô hình đầu tư công tư trên thế giới để phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đô thị*. Tạp chí Phát triển và Hội nhập số 12 (22).
  8. Đào Quang Thu (2014). *Khung pháp lý cho đầu tư theo hình thức PPP: Đợi đến bao giờ?* Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam và hội nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
  9. Phạm Quốc Trường (2014). *Khung chính sách cho mô hình hợp tác công tư ở Việt Nam*. Bài đăng trên Tạp chí Tài chính số 9.
  10. Teresa, C. (2007). *PPP: Potential Risks and Benefits*. Budgeting and Public Expenditures Division, Public Governance Directorate, OECD.

Ngày nhận bài: 21/8/2017. Ngày biên tập xong: 11/9/2017. Duyệt đăng: 06/10/2017